

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thanh Nhân.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: Ông Vương Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị B, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Khu 5, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Duy H, sinh năm: 1975.

Nơi ĐKKHKT: Số 14 dãy 24 gian, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Tạm trú tại: Khu 5, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2021 và bản tự khai ngày 22/10/2021 nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

Chị Trần Thị B và anh Trần Duy H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1999, đến ngày 15/01/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm về

cánh sống, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, chị B và anh H đã sống ly thân. Nay chị B thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy H.

- Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Duy H có 02 (hai) con chung là Trần Quang H, sinh ngày 20/02/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11/01/2007. Sau khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Ngọc H đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Duy H phải cấp dưỡng nuôi con chung; cháu Trần Quang H đã thành niên có khả năng lao động tạo lập cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Duy H tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Duy H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Duy H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại khu 5, phường H, thành phố M được biết: Gia đình chị B và anh H chấp hành đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước cũng như của địa phương. Chính quyền địa phương xác định chị B và anh H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc nghi ngờ ghen tuông, anh H đã có những hành động làm ảnh hưởng đến công việc kinh doanh, buôn bán của chị B dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hiện nay chị B và anh H không còn chung sống với nhau, chị B đã thuê nhà tại phường K, thành phố M để sinh sống, còn anh H vẫn sinh sống tại khu 5, phường H, thành phố M. Chị B và anh H có 02 (hai) con chung hiện nay hai cháu đang ở cùng với anh H, chị B tuy chuyển sang sinh sống tại phường K, thành phố M nhưng vẫn đi lại chăm nom, chăm sóc các con chung.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Trần Thị B có đơn xin xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Các đương sự không có thỏa thuận gì về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc H cho chị Trần Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ tranh chấp chị Trần Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn, theo qui định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có đăng ký tạm trú tại khu 5, phường H, thành phố M theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn anh H đã được Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái tổng đạt văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Chị Trần Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh H và chị B theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị B và anh Trần Duy H được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị B và anh H đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm về cách sống, không có tiếng nói chung; mặt khác anh H có tính nghi ngờ ghen tuông và những hành động làm ảnh hưởng đến công việc kinh doanh, buôn bán của chị B từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị B không cam chịu được nên đã sống ly thân cắt đứt quan hệ với nhau. Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết việc chị B xin ly hôn nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, như vậy thể hiện anh H không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị B là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Duy H có 02 (hai) con chung là Trần Quang H, sinh ngày 20/02/2001 và Trần Ngọc H, sinh ngày 11/01/2007. Chị B đang kinh doanh, buôn bán có công việc và thu nhập ổn định, vì vậy giao cháu Trần Ngọc H cho chị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp tình, hợp lý phù hợp với nguyện vọng của cháu H và phù hợp quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Còn cháu Trần Quang H đã thành niên có khả năng lao động tạo lập cuộc sống riêng nên không đề cập giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Trần Thị B không yêu cầu anh Trần Duy H cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là quyền định đoạt của chị B nên cần chấp nhận.

[6] Anh Trần Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Trần Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị B;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn anh Trần Duy H.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc H, sinh ngày 11/01/2007 cho chị Trần Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007502, ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái; chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hải Hòa, TP. Móng Cái;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương